

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL- TỈNH BL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Ngọc Như**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Tuấn**
2. Ông **Mai Quốc Bảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh BL tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2004 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc G**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL. (*Vắng mặt*)

Bị đơn: Anh **Phạm Văn NH**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp BT, xã Vĩnh Phú Tây, huyện PL, tỉnh BL. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Ngọc G** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **NH** tự nguyện sống chung từ năm 2006, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị đã không sống chung từ tháng 10 năm 2023 đến nay do sống chung bất đồng quan điểm, không còn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh **NH**.

Về con chung: Chị và anh **NH** có một người con chung là **Phạm Quốc T**, sinh ngày 14/3/2007, hiện đang sống với chị **G**. Khi ly hôn chị **G** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là **Phạm Quốc T**, sinh ngày 14/3/2007 và chị **G** không yêu cầu anh **NH** cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Văn NH đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu ý kiến:

- Về T tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị G và anh NH là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 14/3/2007 cho chị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh NH được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc G phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và T tục tố tụng: Chị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh NH, anh NH đang cư trú trên địa bàn huyện PL nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PL thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị G và anh NH là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy chị G và anh NH có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị G và anh NH chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 và đã có một người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị G và anh NH là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị G yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị G và anh NH.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị G thì chị G và anh NH có một người con chung là Phạm Quốc T, sinh ngày 14/3/2007, hiện đang sống chung với chị G, khi ly hôn chị G yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh NH cấp dưỡng nuôi con. Anh NH đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị G nhưng anh NH

không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị G. Xét thấy, cháu Phạm Quốc T sống cùng với chị G từ khi ly thân đến nay, hiện cháu T phát triển tốt. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 26/3/2024 cháu Phạm Quốc T có nguyện vọng sống cùng với chị G. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G: Giao cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 14/3/2007 cho chị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phạm Văn NH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị G sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh NH không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Ngọc G và anh Phạm Văn NH là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc T, sinh ngày 14/3/2007 cho chị Nguyễn Ngọc G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phạm Văn NH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị G đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006687

ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Phạm Văn NH không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Như